

Số: 39/2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 438/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp áp dụng cho năm ngân sách 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

3. Nguyên tắc

a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng cấp chính quyền địa phương.

b) Bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân

sách tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương và tính chủ động của ngân sách cấp xã.

c) Nguyên tắc phân cấp nguồn thu

- Tăng cường nguồn lực cho ngân sách các cấp, tạo điều kiện chủ động cho các cấp ngân sách trong quá trình thực hiện quản lý khai thác nguồn thu, khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu.

- Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao; hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

- Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các xã.

Về phân chia tiền sử dụng đất: trường hợp đặc biệt phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án do nhà đầu tư thực hiện hoặc từ các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương do tỉnh quyết định đầu tư, sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi phí đầu tư, nếu số thu còn lại lớn thì thực hiện phân chia cho cấp xã theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết này, nhưng mức tối đa không vượt quá 100 tỷ đồng/1 dự án đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã và không vượt quá 150 tỷ đồng/1 dự án đối với dự án thực hiện trên địa bàn phường. Đối với dự án phát sinh trên hai địa bàn trở lên (trong đó bao gồm cả địa bàn xã và địa bàn phường) áp dụng mức tối đa trên địa bàn phường, sau đó phân bổ cho từng địa bàn theo tỷ lệ nguồn thu thực tế phát sinh tại từng địa bàn.

- Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

d) Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi

- Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

- Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

- Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ

của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

+ Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

+ Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

+ Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

+ Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

4. Nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 chi tiết tại Phụ lục I và II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022;

b) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09

tháng 12 năm 2021 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022;

c) Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp khi tổ chức bộ máy nhà nước có sự thay đổi về thẩm quyền thì cấp hành chính, cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, đề ra những biện pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao; quản lý sử dụng các khoản kinh phí do nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ, hiệu quả và tiết kiệm; đồng thời có trách nhiệm trả lời chất vấn, kiến nghị của nhân dân địa phương về những vấn đề tài chính, ngân sách theo thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ bốn mươi tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QL XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh LS, Báo và PTTH LS, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

Phụ lục I
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CÁC
CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12 /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

PHẦN I - PHÂN CẤP NGUỒN THU

I. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%

1.1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương và khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương.

1.2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ người nộp thuế thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý.

1.3. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

1.4. Thuế thu nhập cá nhân thu từ người nộp thuế do Thuế tỉnh quản lý.

1.5. Thu từ hoạt động xổ số.

1.6. Thuế bảo vệ môi trường.

1.7. Thu phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành và phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do Thuế tỉnh, cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý hoặc thu nộp.

1.8. Thu tiền sử dụng đất: Đất gắn với nhà và tài sản trên đất thu hồi của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cơ quan Trung ương; thu công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu, ghi chi do cấp tỉnh quyết định; đất dôi dư; đất xen kẹt, các quỹ đất khác do cấp tỉnh quản lý.

1.9. Thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1.10. Thu tiền khai thác, xử lý tài sản nhà nước.

1.11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: thu tiền thuê đất, thuê mặt nước tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu, ghi chi do cấp tỉnh quyết định; tiền thuê đất, thuê mặt nước không thực hiện

ghi thu, ghi chi.

1.12. Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

1.13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương, cấp tỉnh cấp phép thực hiện.

1.14. Các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh.

1.15. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

1.16. Thu từ bán tài sản nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu nộp.

1.17. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý thu nộp.

1.18. Thu từ tài sản nhà nước giao các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh giao tài sản.

1.19. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

1.20. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước cấp tỉnh.

1.21. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

1.22. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

1.23. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

1.24. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu nộp.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

2.1. Giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án do nhà đầu tư thực hiện, dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương do tỉnh quyết định đầu tư (sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư), dự án từ nguồn ngân sách huyện trước sắp xếp giao cơ quan cấp tỉnh quản lý.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

II. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100%

1.1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ người nộp thuế thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn phường, xã do Thuế cơ sở quản lý.

1.2. Lệ phí trước bạ.

- 1.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
 - 1.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
 - 1.5. Thuế thu nhập cá nhân thu từ người nộp thuế trên địa bàn phường, xã do Thuế cơ sở quản lý.
 - 1.6. Thu phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành và phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do Thuế cơ sở quản lý trên địa bàn phường, xã, do cơ quan nhà nước cấp xã quản lý hoặc thu nộp.
 - 1.7. Thu tiền sử dụng đất: Đất gắn với nhà và tài sản trên đất thu hồi của các cơ quan, đơn vị cấp xã; thu công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu, ghi chi do cấp xã quyết định; đất dôi dư; đất xen kẹp, các quỹ đất khác do cấp xã quản lý.
 - 1.8. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu, ghi chi do cấp xã quyết định.
 - 1.9. Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác do cơ quan cấp xã thực hiện.
 - 1.10. Các khoản huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp xã.
 - 1.11. Thu từ bán tài sản nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu nộp.
 - 1.12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý thu nộp.
 - 1.13. Thu từ tài sản nhà nước giao các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã giao tài sản.
 - 1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cấp xã phê duyệt.
 - 1.15. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước cấp xã.
 - 1.16. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.
 - 1.17. Thu kết dư ngân sách cấp xã.
 - 1.18. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
 - 1.19. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
- 2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã** (chi tiết như đã nêu tại mục 2, phần I).
- 3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách**

cấp tỉnh.

PHẦN II - PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

I. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính do cấp tỉnh quản lý; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội do cấp tỉnh thực hiện.

1.4. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên (bao gồm chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu).

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm:

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý: Chi hoạt động của các trường Trung học phổ thông, trường Phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp và chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo khác thuộc tỉnh quản lý.

- Đào tạo cao đẳng, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đào tạo nghề, các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.2. Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm:

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Hoạt động phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ, an toàn bức xạ và hạt nhân của tỉnh.

- Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về các lĩnh vực khoa học công nghệ và các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác thuộc tỉnh quản lý.

2.3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phần giao tỉnh quản lý:

- Diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên theo phân cấp; tổ chức hoạt động lực lượng Dân quân tự vệ; đảm bảo công tác phòng không nhân dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương theo phân cấp; tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hỗ trợ bảo quản, sửa chữa các công trình phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội, các công trình quốc phòng, khu quân sự và các nhiệm vụ quốc phòng khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an ninh khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm: Chi hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần, y dược cổ truyền, trang thiết bị y tế, dược mỹ phẩm do cấp tỉnh thực hiện; Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe sinh sản và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý; Kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin bao gồm: chi tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, chi tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ do cấp tỉnh thực hiện; chi bảo tồn, bảo tàng, phim, ảnh, thư viện, lưu trữ, trùng tu di tích lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, chiếu phim, hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí, hoạt động công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình bao gồm: thông tấn, phát thanh, truyền hình và các hoạt động phát thanh, truyền hình khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.7. Sự nghiệp thể dục, thể thao bao gồm: đào tạo, huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh và tham gia các giải thi đấu cấp khu vực, quốc gia; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao của tỉnh; bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường bao gồm: các hoạt động điều tra, quan trắc và phân tích môi trường, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu do cấp tỉnh thực hiện; xử lý chất thải, bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường do cấp tỉnh quản lý và các hoạt động bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo phân cấp cấp tỉnh thực hiện.

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm: các hoạt động bảo vệ, phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, khuyến nông, xây dựng nông thôn mới, ổn định dân cư nông thôn do cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp giao thông: bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác, hỗ trợ vận tải do cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp tài nguyên bao gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên, đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý.

- Chi kiến thiết thị chính gồm: các hoạt động duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước do cấp tỉnh quản lý và các sự nghiệp thị chính khác do cấp tỉnh quản lý.

- Công nghệ thông tin; hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch do đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Đối ứng kinh phí các dự án phi chính phủ nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chương trình (nếu có), thực hiện các hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

- Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động và các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh thực hiện.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh thực hiện.

2.11. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm: chi công tác người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, trợ cấp, cứu tế xã hội, công tác người cao tuổi và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội do cấp tỉnh thực hiện.

2.12. Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do tỉnh vay theo quy định tại khoản 5, Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

5. Chi viện trợ theo quy định.

6. Chi cho vay theo quy định.

7. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5, Điều 9¹ Luật Ngân sách nhà nước.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính do cấp xã quản lý; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội do cấp xã thực hiện.

1.4. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên (bao gồm chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu)

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý, gồm: Giáo dục trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; trường tiểu học, trường mầm non và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã quản lý.

- Đào tạo, bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chính sách hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề do cấp xã thực hiện; hoạt động thường xuyên của trung tâm học tập cộng đồng; thực hiện phong trào học tập suốt đời và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã thực hiện.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ quan, đơn vị cấp xã; ứng

¹ 5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp sau đây:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác do cấp xã thực hiện.

2.3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao xã quản lý:

- Diễn tập khu vực phòng thủ cấp xã; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức hoạt động lực lượng Dân quân tự vệ do xã quản lý; đảm bảo công tác phòng không nhân dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương theo phân cấp; Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hỗ trợ bảo quản, sửa chữa các công trình phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội, các công trình quốc phòng, khu quân sự và các nhiệm vụ quốc phòng khác do cấp xã thực hiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về an ninh khác do cấp xã thực hiện.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: các hoạt động của trạm y tế cấp xã, các điểm trạm hoặc điểm khám bệnh do cấp xã quản lý và các hoạt động y tế, dân số và gia đình khác do cấp xã thực hiện.

2.5. Sự nghiệp văn hóa, thông tin, bao gồm: chỉ tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, văn nghệ, lễ hội truyền thống; chỉ tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ do cấp xã thực hiện; chỉ sưu tầm, bảo tồn, thư viện, triển lãm, hoạt động thông tin, truyền thông, hoạt động công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp xã thực hiện.

2.6. Sự nghiệp thể dục, thể thao, bao gồm: chỉ công tác bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao, các hoạt động thể dục thể thao phong trào và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp xã thực hiện.

2.7. Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh bao gồm: chỉ duy tu, bảo dưỡng thiết bị phát thanh hằng năm, biên soạn, phát hành các tin, bài phóng sự và các nhiệm vụ chi phát thanh, truyền hình khác do xã thực hiện.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường, gồm: hỗ trợ cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo văn bản quy định; các hoạt động khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường do cấp xã thực hiện; thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải các tuyến đường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước do cấp xã quản lý và các hoạt động bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo phân cấp cấp xã thực hiện.

2.9. Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản ; các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ; các

hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản khác do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp giao thông, gồm: chi sửa chữa thường xuyên đường xã, đường đô thị, chi sửa chữa hệ thống cầu trên đường giao thông nông thôn (gồm cầu dân thép, cầu dầm bê tông cốt thép, cầu treo dân sinh) do cấp xã quản lý.

- Chi kiến thiết thị chính, gồm: các hoạt động duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước giao cấp xã quản lý; công tác quản lý, chăm sóc cây xanh, công viên do cấp xã quản lý và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp tài nguyên, gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cấp xã thực hiện theo phân cấp.

- Chính sách hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chính sách hỗ trợ sản xuất lúa.

- Đối ứng kinh phí các dự án phi chính phủ nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chương trình (nếu có), thực hiện các hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp xã.

- Chi các hoạt động kinh tế khác do cấp xã thực hiện.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính cấp xã thực hiện.

2.11. Chi bảo đảm xã hội, gồm: chi cho công tác người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, trợ cấp, cứu tế xã hội, công tác người cao tuổi, cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội do cấp xã thực hiện.

2.12. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi viện trợ theo quy định.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số: 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương			
1.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
1.3	Thuế tài nguyên	100		
1.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương			
2.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
2.3	Thuế tài nguyên	100		
2.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
3.1	Thuế giá trị gia tăng + Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thu từ người nộp thuế do thuế tính quản lý	100		
-	Thu từ người nộp thuế trên địa bàn phường, xã do thuế cơ sở quản lý		100	100
3.2	Thuế tài nguyên + Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thu từ người nộp thuế do thuế tính quản lý	100		
-	Thu từ người nộp thuế trên địa bàn phường, xã do thuế cơ sở quản lý		100	100
4	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
4.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
4.4	Thuế tài nguyên	100		
5	Lệ phí trước bạ (phát sinh trên địa bàn)		100	100
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (Phát sinh trên địa bàn phường, xã)		100	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Phát sinh trên địa bàn phường, xã)		100	100
8	Thuế thu nhập cá nhân			
-	Thu từ người nộp thuế do thuế tính quản lý	100		
-	Thu từ người nộp thuế trên địa bàn phường, xã do thuế cơ sở quản lý		100	100
9	Thu từ hoạt động xổ số	100		

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
10	Thuế bảo vệ môi trường	100		
11	Thu phí và lệ phí			
11.1	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn		
11.2	Các khoản phí, lệ phí còn lại			
-	Thuế tỉnh, cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý hoặc thu nộp	100		
-	Thu từ người nộp thuế do thuế cơ sở quản lý trên địa bàn phường, xã		100	100
-	Cơ quan nhà nước cấp xã quản lý hoặc thu nộp		100	100
12	Thu tiền sử dụng đất			
12.1	Thu tiền sử dụng đất gắn với nhà và tài sản trên đất			
-	Nhà và tài sản trên đất thu hồi của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cơ quan Trung ương	100		
-	Nhà và tài sản trên đất thu hồi của các cơ quan, đơn vị cấp xã		100	100
12.2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án			
a	Dự án do nhà đầu tư thực hiện			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn phường	85	15	
-	Dự án thực hiện trên địa bàn xã	90		10
b	Dự án từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương do tỉnh quyết định đầu tư (sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư)			
	Dự án thực hiện trên địa bàn phường	85	15	
	Dự án thực hiện trên địa bàn xã	90		10
c	Dự án từ nguồn ngân sách huyện trước sắp xếp giao cơ quan cấp tỉnh quản lý	60	40	40
d	Dự án từ nguồn ngân sách cấp xã (trường hợp sử dụng cả nguồn ngân sách cấp xã và ngân sách cấp tỉnh thực hiện phân chia sau khi trừ kinh phí ngân sách cấp tỉnh)		100	100
e	Thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu - ghi chi			
	Cấp tỉnh quyết định	100		
	Cấp xã quyết định		100	100
12.3	Công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất			
-	Cấp tỉnh quyết định	100		
-	Cấp xã quyết định		100	100

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
12.4	Thu tiền sử dụng đất từ đất dôi dư, đất xen kẹt, các quỹ đất khác			
-	Cấp tỉnh quản lý	100		
-	Cấp xã quản lý		100	100
13	Thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu	100		
14	Thu tiền khai thác, xử lý tài sản nhà nước	100		
15	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước			
15.1	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư thực hiện ghi thu - ghi chi			
	Cấp tỉnh quyết định	100		
	Cấp xã quyết định		100	100
15.2	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước còn lại	100		
16	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt và tịch thu khác			
-	Do cơ quan cấp tỉnh thực hiện	100		
-	Do các xã, phường thực hiện		100	100
17	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước			
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương, cấp tỉnh cấp phép thực hiện	100		
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cấp xã phê duyệt		100	100
18	Các khoản huy động, đóng góp			
-	Huy động, đóng góp cho tỉnh	100		
-	Huy động, đóng góp cho các xã, phường		100	100
19	Thu từ bán tài sản nhà nước			
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu nộp	100		
-	Do các xã, phường thu nộp		100	100
20	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước			

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý thu nộp	100		
-	Do các xã, phường xử lý thu nộp		100	100
21	Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế			
-	Do cơ quan cấp tỉnh giao tài sản	100		
-	Do cơ quan cấp xã giao tài sản		100	100
22	Thu viện trợ			
-	Viện trợ cho ngân sách tỉnh	100		
-	Viện trợ cho ngân sách các xã, phường		100	100
23	Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	100		
24	Các khoản thu khác			
-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu nộp	100		
-	Các xã, phường quản lý thu nộp		100	100
25	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			
-	Do các xã, phường quản lý		100	100
26	Thu chuyển nguồn			
-	Ngân sách tỉnh	100		
-	Ngân sách xã, phường		100	100
27	Thu kết dư			
-	Ngân sách tỉnh	100		
-	Ngân sách xã, phường		100	100